

## Section 1: Đại từ nhân xưng

Vui lòng xem video này tại [Prep.vn](https://prep.vn)

### Exercise 1: Chọn đáp án đúng

Đáp án nào sau đây CHỈ chứa đại từ nhân xưng

- ☐ I/Me/Myself/Mine/My
- ☐ I/You/He/She/Her/His/Him
- ☐ I/You/We/He/Him/Me/Them
- ☐ I/You/We/They/Themselves

### Exercise 2: Nối các đại từ nhân xưng sau với các nhóm phù hợp

I/You/We/They/He/She/It

Đại từ nhân xưng làm Chủ ngữ

Me/You/Us/Them/Him/Her/It

Đại từ nhân xưng làm Tân ngữ

Exercise 3: Hoàn thành bảng sau bằng cách điền Subject pronoun (Đại từ nhân xưng làm chủ ngữ) hoặc Object pronoun (Đại từ nhân xưng làm tân ngữ) phù hợp vào mỗi chỗ trống.

Sentence	Subject pronoun	Object pronoun
1	I	(1) .....
2	She	(2) .....
3	(3) .....	him
4	We	(4) .....
5	(5) .....	them
6	you	(6) .....

---



---



---



---



---



---

### Exercise 4: Đọc mỗi câu sau và chọn một đáp án đúng trong mỗi câu.

Can you help ... with these bags?

- ☐ A. we
- ☐ B. us

- ☐ C. our
- ☐ D. they

... usually see ... at the weekend.

- ☐ A. We, them
- ☐ B. Us, they
- ☐ C. We, they
- ☐ D. Us, them

How did you teach ... to read?

- ☐ A. he
- ☐ B. we
- ☐ C. him
- ☐ D. his

... write to ... once a month.

- ☐ A. I, she
- ☐ B. Me, her
- ☐ C. I, her
- ☐ D. Me, she

... loves ... very much but ... doesn't love ...

- ☐ A. He - she - she - he
- ☐ B. Him - her - her - him
- ☐ C. He - her - she - him
- ☐ D. He - her - she - he

Why did you ask ... to come? ... don't like ...

- ☐ A. they - I - they
- ☐ B. them - I - them

- ☐ C. them - Me - they  
☐ D. they - Me - them

Please don't wait for ...

- ☐ A. we  
☐ B. us

Did ... tell ... the news?

- ☐ A. they - she  
☐ B. them - her  
☐ C. them - she  
☐ D. they - her

**Exercise 5: Điền đại từ nhân xưng thích hợp vào chỗ trống**

Peter and I are brothers. \_\_\_\_\_ share a bedroom together.

Sue isn't well. Dad is taking \_\_\_\_\_ to see a doctor.

My brother is a teacher. \_\_\_\_\_ teaches English.

All his students like \_\_\_\_\_ very much.

Who are those people? Where are \_\_\_\_\_ from?

Mom is a doctor. \_\_\_\_\_ works in a hospital.

The sky is getting dark. \_\_\_\_\_ is going to rain.

May \_\_\_\_\_ borrow your pen?

What are \_\_\_\_\_ reading, Jenny?

**Exercise 6: Hãy nối các vế câu tương ứng ở bên phải với câu nối tiếp tương ứng ở bên trái để tạo thành ngữ cảnh hoàn chỉnh**

I do not understand them.

People in Brazil do not speak Spanish.

We have a special dinner for him tonight.

Can you explain these answers to me again?

They speak Portuguese.

I live with Joe and Mark.

They are nice people.

The president of Russia is in the United States now.

It is very difficult for me.

I don't like this test.

**Exercise 7: Điền vào chỗ trống trong các câu sau một Subject pronoun hoặc Object pronoun phù hợp**

Ví dụ: My favorite subject is Maths. (I find interesting) → I find it interesting.

Ellen and Ali work at the bank.

- ☒ \_\_\_\_\_ like their jobs.  
You need to talk to Maria.
- ☒ Please call \_\_\_\_\_.  
Where are my keys?
- ☒ Do you see \_\_\_\_\_?  
Where are my keys?
- ☒ \_\_\_\_\_ are not on the table.  
My friends like chocolate.
- ☒ This chocolate cake is for \_\_\_\_\_.  
My friends like chocolate.
- ☒ \_\_\_\_\_ is delicious.  
That computer is expensive.
- ☒ You cannot buy \_\_\_\_\_.  
Lucas needs this check.
- ☒ Please take \_\_\_\_\_ to him.

# PREP.VN